

**Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày: 13/8/2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Minh Huệ

2. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng

Thư ký phiên toà: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.L

Trụ sở: Số 40 – 42 – 44 đường Phạm Hồng Thái, R.G, Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L – sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch La Gi. Có mặt.

Địa chỉ: Số 168 đường Lê Lợi, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Theo Quyết định số: 269/QĐ-HĐQT ngày 17.7.2020 về điều động và bổ nhiệm chức vụ đối với ông Nguyễn Thành L)

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Hạnh N - sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm H – sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố 2, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn trình bày:**

Vào ngày 03/02/2018 tại Ngân hàng TMCP K.L – PGD L, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K. L cho bị đơn bà Ngô Thị Hạnh N vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày 03.02.2018 đến ngày 03.8.2018), mục đích vay vốn: Sản xuất kinh doanh nhỏ, lãi suất cho vay: 14,94% theo hợp đồng tín dụng số: A 432115, A 432116 hình thức bảo đảm nợ vay: bằng cả vệc xe máy Yamaha Sirius, màu đỏ, đen, biển số 86B6 – 16535; Số máy: 5C6- 086458, số khung: C6K0DY 086439, giấy CNĐK xe số 018676; Ông Phạm Hải là người bảo lãnh cho bà N và trả nợ thay cho trường hợp bà N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP K.L .

Từ ngày vay vốn đến nay, bà N chỉ trả được tổng số tiền như sau: Vốn và lãi là 16.960.000 đồng. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 13.6.2018 Ngân hàng K.L đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 03.8.2018, bà N còn nợ: Tổng số tiền còn nợ: 6.980.000 đồng, lãi quá hạn: 850.000 đồng, lãi phát sinh: 1.300.000 đồng. Tổng cộng: 9.130.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà N và ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ tính đến ngày xét xử 13.8.2020, bà N còn nợ: Số tiền nợ gốc: 5.888.000 đồng, số tiền lãi còn nợ: 433.858 đồng, phạt lãi quá hạn: 88.000 đồng, phạt gốc quá hạn: 2.682.000 đồng; Tổng cộng: 9.091.858 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn: Bà Ngô Thị Hạnh N trình bày:**

Bà và ông Phạm H có vay tiền tại Ngân hàng K. L, Phòng giao dịch La Gi số tiền gốc 20.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 03.02.2018 đến ngày 03.8.2018, đã trả được một khoản tiền và hiện còn nợ tiền gốc là 6.980.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng. Bà N cam kết trả nợ cho Ngân hàng và hứa 01 tháng trả nợ cho Ngân hàng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc và lãi bắt đầu trả từ ngày 06.8.2020. Bà N thừa nhận số tiền vay tại Ngân hàng K. L là nợ chung của bà và ông Phạm H, vay tiền để kinh doanh làm ăn chung.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm H.**

Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập, niêm yết các thủ tục nhưng ông Phạm Hải vắng mặt, tại phiên tòa ông H vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ

tục tố tụng, riêng bị đơn bà Ngô Thị Hạnh N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm H vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bà Ngô Thị Hạnh N và ông Phạm H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 9.091.858 đồng cho Ngân hàng TMCP K. L, Phòng giao dịch L.

Về án phí: Bà Ngô Thị Hạnh N và ông Phạm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP K. L và bị đơn bà Ngô Thị Hạnh N xuất phát từ Hợp đồng tín dụng cho vay số A 432115, A 432115 ngày 03.02.2018 cho nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có địa chỉ tại khu phố 2, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Ngô Thị Hạnh N; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm H vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay số A 432115, A 432115 ngày 03.02.2018 giữa bên vay là bà Ngô Thị Hạnh N, người liên đới trách nhiệm là ông Phạm H (ông H và bà N là vợ chồng) và bên cho vay là Ngân hàng TMCP K. L, Phòng giao dịch L thì bà N vay tiền tại Ngân hàng là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng (kể từ ngày 03.02.2018 đến ngày 03.8.2018), mục đích vay vốn: Sản xuất kinh doanh nhỏ, lãi suất cho vay: 14,94%; hình thức bảo đảm nợ vay: bằng cả véc xe máy Yamaha Sirius, màu đỏ, đen, biển số 86B6 – 16535; Số máy: 5C6- 086458, số khung: C6K0DY 086439, giấy CNĐK xe số 018676; Ông Phạm H là người bảo lãnh cho bà N và trả nợ thay cho trường hợp bà N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP K. L. Bà N và ông H có ký tên vào hợp đồng. Như vậy, thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa

các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng tín dụng cho vay giữa các bên là hợp pháp.

Quá trình giải quyết bị đơn thừa nhận có vay số tiền 20.000.000 đồng tại Ngân hàng K. L., Phòng giao dịch L, hiện tại đã trả được một khoản tiền và còn nợ lại số tiền gốc là 6.980.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xác định số tiền gốc bà N còn nợ là 5.888.000 đồng. Phía nguyên đơn khai đã có thông báo cho bà N biết về việc thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng bà N không có thiện chí trả nợ, tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã L đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ đúng hạn. Tại bản tự khai của bị đơn, bà N có hứa một tháng sẽ trả cho Ngân hàng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ gốc và lãi và bắt đầu trả từ ngày 06.8.2020, nhưng phía Ngân hàng khai bà N cũng chưa trả nợ cho ngân hàng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện cho nên nguyên đơn bà Ngô Thị Hạnh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H (chồng bà N) cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 9.091.858 đồng là hoàn toàn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] **Về án phí:** Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng bà Ngô Thị Hạnh N và ông Phạm H phải chịu án phí theo quy định pháp luật; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Ngô Thị Hạnh N và ông Phạm H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền 9.091.858 đồng cho Ngân hàng TMCP K. L, Phòng giao dịch L.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị Hạnh N và ông Phạm H phải chịu 454.592 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K. L, Phòng giao dịch L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022543 ngày 13.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2020). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn